

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 136/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: số nhà 17/19, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bà Như: Ông Trần Thiết HL

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Lưu Hoàng D, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 17/19, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương: Bà Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Lưu Hoàng D1, sinh năm 1980

Địa chỉ: số nhà 14, QL 13, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Lưu Hoàng D2, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà 17/19, đường H, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền của ông D1 và ông D2: Bà Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Đỗ Thị Quỳnh M, năm 1969

Địa chỉ: số 39, tổ 1, khu phố 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương
Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trần Thiết H

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1958

Địa chỉ: số nhà 3/20, đường P, phường B, Quận T, Tp HCM
 - Đỗ Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: số nhà 156, ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ: số nhà 41/71/38A, ấp 6, xã Đ, huyện H, T.p HCM
 - Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: số nhà 41/71/29, ấp 6, xã Đ, huyện H, T.p HCM
 - Bà Đỗ Thị Kim A, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Đỗ Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: số nhà 41/71/38A, ấp 6, xã Đ, huyện H, T.p HCM
Người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà H, ông T, bà A, bà T, ông T: ông Đỗ Văn T, sinh năm 1962

Địa chỉ: số nhà 156, ấp 10, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước
 - Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1970

Địa chỉ: tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông S, bà T, bà L: Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do ông Đỗ Văn K, bà Nguyễn Thị C để lại, cụ thể như sau

- Bà Phạm Thị N được nhận phần tài sản gồm: quyền sử dụng diện tích đất 840,3m², trong đó có 200m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

- Ông Lưu Hoàng D được nhận phần tài sản gồm: quyền sử dụng diện tích 1.039,2m², trong đó có 200m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

Các thửa đất trên tọa lạc tại khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí thửa đất được thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính ngày 19/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh (Thửa đất ông D được nhận có ký hiệu “A” và bà N được nhận có ký hiệu là “B”)

Ông D và bà N có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận theo quy định của pháp luật.

- Bà N phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông D với số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm đồng)

- Ông D có trách nhiệm di dời phần nhà vệ sinh nằm trên thửa đất bà N được nhận. Thời hạn di dời là ngày 06/11/2020

2.2 Về án phí: Bà N phải chịu 3.327.800đ (ba triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm đồng) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai số 0000348 ngày 15/7/2019 Sau khi khấu trừ bà N được nhận lại số tiền 5.422.200đ (năm triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn hai trăm đồng)

Ông Dg phải chịu 3.464.200đ (ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm đồng) án phí DSST

Các đương sự còn lại không phải chịu án phí DSST.

- *Về chi phí tố tụng:* Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng với tổng số tiền 5.023.567đ (trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ và chi phí lấy trích đo bản đồ địa chính là 2.023.567đ, chi phí định giá tài sản là 2.000.000đ) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Khánh Duyên